

Bản án số: 81 /2019/HS-ST
Ngày 23-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu
Ông Đặng Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

PHẠM ĐỨC D, sinh ngày 10/5/1996; nơi sinh: Nghệ An; nơi cư trú: xóm Tr , xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Môi giới bất động sản; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (s) và bà Ngô Thị M (s); gia đình có 02 người con bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/8/2019; có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lô Thanh T, sinh năm: 1991; nơi cư trú: thôn B, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Ông Lê Đình D, sinh năm: 1994, nơi cư trú: Khối phố L, phường Th, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 2000; nơi cư trú: Xóm 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Ng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 22/8/2019, Lô Thanh T sử dụng số điện thoại 0961665947 gọi đến số sim 0766779234 của Phạm Đức D hỏi mua 500.000 đồng ma

túy đá. D đồng ý bán, T hẹn địa điểm mua bán tại đường 29 tháng 3 thuộc phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. D gọi điện thoại cho một người tên T (chưa xác định được lai lịch, D lưu tên người này trên điện thoại là X) qua số sim 0902044443 hỏi mua 400.000 đồng ma túy đá, đồng thời D nhắn nhiều tin cho T với các nội dung: “4 xì”, “*Thằng bạn nhờ lấy giùm 3 xì nên em bỏ thêm 1 xì nữa lấy 4 xì luôn*”. T nói D chờ 20 phút. Trong khoảng thời gian này, D nhắn tin cho T nội dung: “*Lấy 500 phải không*”, T gọi điện lại cho D trả lời “*Đúng mua 500.000 đồng ma túy đá*” và yêu cầu D nhanh lên. Sau đó, T gọi điện bảo D đi lấy ma túy. Vì D đã mua ma túy của T nhiều lần nên biết địa điểm giao dịch ma túy tại nơi giao nhau giữa đường Ng với đường K thuộc quận L, thành phố Đà Nẵng. D đặt chuyến xe Grab bike biển kiểm soát 37B2- 430.70 có lịch trình từ phòng trọ của D tại số 53 đường Ph, phường H, quận H đến đường Ng với giá 57.000 đồng do Lê Đình D điều khiển. Trên đường đi, D nhắn tin nhờ T phân ma túy thành 02 gói; trong đó, 01 gói 100.000đồng của D và 01 gói 300.000 đồng để D bán cho T lấy 500.000đồng. Các tin nhắn có nội dung như sau: “*Anh cắt ra cho em 1 ít vào bịch khác hi*”. Do T nhắn tin trả lời không phân ma túy được nên D nhắn lại: “*Ừm. Về em cắt cũng được*”. Sau đó, D thay đổi lịch trình, yêu cầu Đình D chở đến đường K đoạn đối diện với chung cư, có đường nhánh, rẽ phải vào, D bảo Đình D đứng chờ còn D đi bộ vào bên trong, gọi điện cho T. T chỉ chỗ giấu ma túy cho D, D lấy ma túy rồi để lại 400.000 đồng.

Sau đó, D yêu cầu Lê Đình D chở đến đường Võ Chí C thuộc phường H, quận C. Trên đường đi, D mở gói ma túy ra kiểm tra, thấy ma túy ít, D nhắn tin hỏi T, T trả lời hết hàng có gì tối hoặc hôm sau T sẽ bù lại cho D, D nghe vậy đồng ý nên không phân số ma túy đã mua được ra mà sẽ bán hết cho T lấy 500.000 đồng.

Đến 00 giờ 55 phút, ngày 23/8/2019, khi đến đường 29 tháng 3 thuộc phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, D nhìn thấy T đang đứng vẫy tay nên yêu cầu nhân viên Grab bike chở đến chỗ T để giao ma túy nhưng chưa kịp giao ma túy và nhận tiền thì D bị Cơ quan CSĐT bắt quả tang. Tiến hành kiểm tra, tạm giữ: Tại túi quần phía trước bên trái của Phạm Đức D đang mặc 01 bao ni-lon kích thước khoảng 7,5cm x 6,5cm một cạnh hở, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (được niêm phong, ký hiệu HX.01); tại túi quần phía sau bên phải Đức D đang mặc số tiền 274.000 đồng; tại túi quần phía trước bên phải Đức D đang mặc 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mastel gắn sim số 0766779234; tại nơi bắt quả tang 01 xe mô tô biển kiểm soát 37B2- 430.70.

Riêng Lô Thanh T chạy thoát. Đến ngày 08/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ làm việc được với T. Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận toàn bộ sự việc phù hợp với diễn biến như trên.

Vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 23/8/2019, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Đức D tại phòng trọ số 7, số 53 đường Ph, phường H, quận H, tạm giữ 01 bình thủy tinh, phía đầu nắp có gắn sẵn 01 ống thủy tinh và 03 ống nhựa màu đen (D khai nhận dùng để sử dụng ma túy, được niêm phong, ký hiệu HX.02).

Tại Kết luận giám định số 240 ngày 28/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong mẫu gửi giám định ký hiệu HX.01 là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,057 gam.

Bản cáo trạng số 79/KSĐT ngày 30/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ truy tố bị cáo Phạm Đức D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Đức D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, còn đề cập đường lối xử lý về tang vật, vật chứng và tiền án phí.

Bị cáo Phạm Đức D nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang. Có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 00 giờ 55 phút, ngày 23/8/2019, tại đoạn đường 29 tháng 3 thuộc phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, Phạm Đức D đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,057 gam (*Không thấy không năm bảy gam*) ma túy, loại Methamphetamine để bán cho Lô Thanh T thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ bắt quả tang. Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo Phạm Đức D đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bản thân bị cáo D đã sử dụng ma túy và biết được tác hại của ma túy là chất gây nghiện vô cùng nguy hiểm, nó không chỉ gây tổn hại đến đời sống kinh tế, sức khoẻ và tinh thần của con người mà còn là một trong những nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội, thế nhưng bị cáo vẫn tìm mua ma túy và bán trái phép cho Lô Thanh T để hưởng lợi nhuận, có tiền sử dụng ma túy. Hành vi của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, đi ngược lại với chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc phòng chống và đẩy lùi tệ nạn ma túy. Cần phải xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng: Không có

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Đức D, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

Đối với người có tên T (X) có hành vi bán trái phép chất ma túy cho D và những đối tượng khác có liên quan, do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và đề nghị mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với toàn bộ bao gói mẫu còn lại sau giám định, 01 bình thủy tinh, phía đầu nắp có gắn sẵn 01 ống thủy tinh và 03 ống nhựa màu đen, D dùng để sử dụng trái phép chất ma túy, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mastel gắn sim số 0766779234 của D sử dụng liên lạc mua bán trái phép chất ma túy, xét đây là công cụ phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 274.000 đồng là tài sản của D, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho D. Tuy nhiên, cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37B2- 430.70, số khung 028466, số máy 5134818, quá trình điều tra xác định chị Nguyễn Thị Th (sinh năm 2000; trú xóm 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An) đứng tên chủ sở hữu. Chị Th cho anh Lê Đình D mượn để chạy dịch vụ Grab bike. Chị Th và anh Lê Đình D không quen biết Phạm Đức D và không biết hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Đức D nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Lê Đình D và đã trả lại chiếc xe nói trên cho chị Th là có cơ sở.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đức D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.
Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Phạm Đức D **02** (Hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, tạm giam, ngày 23/8/2019.

II. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong mẫu giám định và toàn bộ vỏ bao gói mẫu hoàn lại sau giám định (kết luận giám định số 240, ngày 28/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng); 01 bình thủy tinh, phía đầu nắp có gắn sẵn 01 ống thủy tinh và 03 ống nhựa màu đen, D dùng để sử dụng trái phép chất ma túy.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mastel gắn sim số 0766779234 của D sử dụng liên lạc mua bán trái phép chất ma túy.

- Trả lại cho Phạm Đức D số tiền 274.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) là tài sản của D.

- Tiếp tục quy trừ số tiền 274.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) là tài sản của D để đảm bảo thi hành án.

(Tất cả vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 12/12/2019 và giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 03/12/2019 tại Kho bạc Nhà nước quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

III. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Đức D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

IV. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp. Đà Nẵng;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- CCTHADS quận. Cẩm Lệ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Lệ Hằng

